TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HS-ST
Ngày 27-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Nguyễn Đức Mạnh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòngtham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Thông báo thay đổi lịch phiên toà số 92/TB-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Quang N, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1965 tại Hải Phòng; ĐKHKTT: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng ; chỗ ở: Thôn 11, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ T; trình độ văn hóa: 10/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Hà Thị H; vợ là Trịnh Thị L, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2022; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ vào Công văn số 51 ngày 02/02/2018 của Kiểm toán Nhà nước khu vực VI (Kiểm toán VI) kiến nghị khởi tố đối với việc sai phạm của các Công ty xi măng Phúc Sơn và Công ty CP thương mại Tân Hoàng An trong hoạt động khai

thác tài nguyên tại khu vực mỏ núi B Trại Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra các Công ty khai thác khoáng sản có liên quan đến khu vực mỏ núi B Trại Sơn, trong đó có Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ T (Công ty T).

Ngày 09/3/2004, Sở Kế hoạch và Đầu tưthành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Công ty T, mã số doanh nghiệp: 0202001733, địa chỉ trụ sở: thôn Phi Liệt, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (ngày 01/7/2019 đã thu hồi giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh). Công ty có 02 thành viên Lê Quang N và ông Nguyễn Văn Khuê, vốn điều lệ là 1,5 tỷ đồng, các thành viên góp theo tỷ lệ 50/50.

- Ngày 29/8/2011, Công ty T được UBND thành phố Hải Phòng cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 1337a/GP-UBND cho phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Đông Nam khu B núi Trại Sơn, xã AnSơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Diện tích cấp phép khai thác: 2.15ha. Trữ lượng được phép khai thác: 1.000.827m^3. Công suất được phép khai thác: 49.500m^3/năm. Thời hạn khai thác: 05 năm (đến 29/8/2016). Ngày 19/6/2015 UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1336/QĐ-UBND về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò của Công ty Hoàng Lộc. Trữ lượng được phê duyệt là 406.965m^3 (bút lục: 569-570; 575-576).

Theo quy định tại Luật khoáng sản thì tổ chức cá nhân khi khai thác khoáng sản phải thực hiện một số quyền, nghĩa vụ: "*chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép"* (Điều 4), *"Tiến hành khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản; Thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã được phê duyệt"* (Điều 55). Tại giấy phép khai thác khoáng sản của UBND TP Hải Phòng cấp cho Công ty T có nêu: *"Hoạt động khai thác khoáng sản…chỉ được phép tiến hành sau khi đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan và các quy định tại giấy phép này; có quyết định cho thuê đất theo quy định pháp luật; thực hiện kí quỹ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; nộp cho Sở TNMT thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng kí ngày bắt đầu hoạt động khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác…"*(Điều 3). Như vậy, sau khi được UBND TP Hải Phòng cấp giấy phép khai thác, Công ty T chỉ được tiến hành khai thác khoáng sản khi được UBND TP Hải Phòng quyết định cho thuê đất và thực hiện các hoạt động như giấy phép đã nêu.

Quá trình điều tra, Công ty T cung cấp: Công ty đã thực hiện làm các thủ tục pháp lý để đưa mỏ vào khai thác tuy nhiên không làm được thủ tục thuê đất vì tại khu vực mỏ có 01 mộ cổ của dòng họ Mạc và một hộ dân yêu cầu chia tỷ lệ

mỏ hoặc đền bù với giá cao. UBND thành phố chưa ra Quyết định cho thuê đất và ký hợp đồng thuê đất để cho công ty khai thác. Tuy nhiên, Công ty T vẫn thực hiện việc khai thác là vi phạm theo Điều 3 của Giấy phép khai thác khoáng sản.

Tại các Bản Kết luận giám định tư pháp của Hội đồng giám định thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 27/9/2019 kết luận: Phương pháp tính trữ lượng giám định là phương pháp phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò, phê duyệt trữ lượng. Lấy tỷ trọng đá vôi nguyên khối (chưa khai thác) là 2,69 tấn/m^3, hệ số nở rời của đá vôi là 1,475 (từ khối đặc ra khối rời, sau nổ mìn), hệ số độ rỗng đá nguyên khối là 0,8; hệ số tổn thất chung trong khai thác là 5% .

Tại mục 6.3.3 của Bản kết luận giám định trên có nêu về việc khai thác tài nguyên của Công ty T: Trữ lượng đã khai thác là **521.423m^3,** trong đó có 433.477m^3 đã khai thác trong ranh giới cấp phép và cốt cho phép +5m; khối lượng khai thác ngoài cốt cho phép (dưới mức +5m) là 87.946m^3. Công ty T đã kê khai báo cáo thuế là 74.434m^3, còn lại 446.989m^3 không có chứng từ, sổ sách, tài liệu chứng minh về khối lượng đá vôi trên .

Tại các bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL- HĐĐGTS ngày 06/10/2020, 33/KL- HĐĐGTS ngày 29/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hải Phòng kết luận: Giá trị khoáng sản (đá vôi, đất khai thác để san lấp) Công ty T khai thác trong khoảng thời gian từ tháng 01/2013 đến tháng 11/2018 có nhiều mức giá khác nhau cụ thể:

- Giá trị đá vôi: Từ tháng 01/2013 đến tháng 6/2014 đến tháng 12/2017 có giá 80.000 đồng/m^3, từ ngày 09/01/2018 đến tháng 12/2018 có giá 125.000 đồng/m^3.

- Giá trị đất khai thác để san lấp: Từ tháng 01/2013 đến tháng 3/2014, từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2014, từ tháng 11/2014 đến tháng 02/2015, từ tháng 4/2015 đến tháng 7/2015, từ tháng 10/2015 đến tháng 11/2015 và từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2017 có giá 30.000 đồng/m^3; từ tháng 4, 6, 10 năm 2014 và tháng 3, 8, 9, 12 năm 2015có giá 50.000 đồng/m^3; từ ngày 09/01/2018 đến tháng 11/2018 có giá 60.000 đồng/m^3 .

Căn cứ theo công thức tính đá khai thác của Cơ quan giám định nêu trên thì trữ lượng đá Công ty T đã khai thác và kê khai báo cáo thuế là 74.434m^3 (đá nguyên khối) x 1,475 x 0,95 = **109,000m^3**đá nguyên khai. Tính theo giá thấp nhất (80.000đồng/m^3) của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đưa ra tại các thời điểm trên thì số khoáng sản trên có trị giá là **6,064,000,000 đồng**.

Tại cơ quan điều tra, Lê Quang N khai: Nghi là Giám đốc Công ty T, có trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm hoàn tất thủ tục cấp phép khai thác, làm thủ tục thuê đất. Mặc dù chưa được

thuê đất khai thác tài nguyên nhưng Nghi vẫn chỉ đạo việc khai thác khoáng sản. Từ năm 2014 đến năm 2016 đã khai thác được khối lượng là 109.100 m^3đất và đá nguyên khai (sau nổ mìn), trong đó có 20.300 m^3đá và 88.800 m^3đất. Lý do Công ty kê khai báo cáo khoáng sản có đất san lấp vì mỏ đá này có đất, khi khai thác ra có đá lẫn với đất và bán cho các đơn vị san lấp, làm đường nên kê khai báo cáo thuế là đất san lấp. Nghi không xác định được tỷ lệ đá, đất là bao nhiêu. Việc khai thác mỏ mất rất nhiều chi phí, chi phí thuế, mua vật liệu nổ, thuê nhân công, thuê máy móc và nhiều chi phí khác. Sau khi trừ đi các chi phí Công ty T chỉ thu lợi được khoảng 2000 đồng/m^3. Tổng số tiền Công ty T thu lợi là 218.200.000 đồng, đều đưa vào chi phí cho hoạt động của Công ty T, Nghi không được hưởng lợi gì số tiền này.

Sau khi dừng khai thác vào năm 2016, Công ty T chưa làm thủ tục đóng cửa mỏ. Do thời hạn giấy phép khai thác hết nên Công ty T không bố trí người để quản lý, trông coi mỏ này.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, UBND xã An Sơn cung cấp: giai đoạn Công ty T được phép khai thác khoáng sản và khai thác tại khu vực mỏ từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2015. Tại khu vực mỏ này chỉ có Công ty T quản lý và thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản. Sau giai đoạn tháng 12/2015 đến nay khi Công ty T kết thúc khai thác tại vực mỏ khu B núi Trại Sơn không có đơn vị, tổ chức, cá nhân nào tiến hành khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ này cho đến nay. Tài liệu lưu trữ tại UBND xã không xác định có việc khai thác khoáng sản trái phép tại khu vực này.

Tại cơ quan điều tra những người liên quan trong vụ án là các thành viên trong Công ty T khai phù hợp với lời khai của Lê Quang N như nội dung nêu trên.

- Nguyễn Văn Khuê khai: Ông Khuê là thành viên sáng lập Công ty T cùng với Nghi từ năm 2004. Ông Khuê góp 750.000.000 đồng (chiếm 50% vốn góp). Ông Khuê chỉ góp vốn, không tham gia các hoạt động của Công ty. Mọi việc khai thác khoáng sản ông Khuê không biết, Nghi thực hiện và không trao đổi với ông Khuê. Đến năm 2016, ông Khuê đã rút hết vốn tại công ty.

- Nguyễn Thị Tường Vi khai: Vi là kế toán của Công ty T trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2016, Vi làm việc dưới sự chỉ đạo của Nghi. Nhiệm vụ của Vi là kê khai báo cáo thuế cho công ty, trong đó có kê khai báo cáo thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường.Việc khai thác đá tại mỏ là do Nghi chỉ đạo thực hiện Vi không biết. Hàng tháng Nghi đưa các chứng từ hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) bán hàng, mua hàng cho Vi để Vi thực hiện việc kê khai báo cáo thuế. Căn cứ vào các hóa đơn, khoáng sản khai thác như nào, số lượng bao nhiêu Vi kê khai báo cáo đúng như vậy. Khoáng sản khai thác kê khai có cả đá và đất san lấp vì trong hóa đơn bán hàng có hai loại khoáng sản này. Khối lượng khoáng sản khai thác

tại mỏ Nghi giao cho ai theo dõi Vi không biết. Vi không biết, không liên quan đến việc công ty khai thác vi phạm .

- Những nhân viên khác trong công ty gồm: Nguyễn Văn Thân (người quản lý vật liệu nổ) và Cao Văn Huy (giám đốc điều hành mỏ) của Công ty T khai: ông Thân và ông Huy chịu trách nhiệm điều hành kỹ thuật trong việc khai thác khoáng sản. Việc khai thác khoáng sản do Nghi điều hành. Việc hoàn tất các thủ tục cấp phép khai thác, thuê đất do Nghi thực hiện. Ông Thân và ông Huy không biết việc Công ty T khai thác khoáng sản khi chưa thuê đất của UBND thành phố.

Quá trình điều tra, Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cung cấp thông tin Công ty T đã thực hiện việc ký quỹ cải tạo, môi trường là 210.973.522 đồng.

Lời khai của bị can Lê Quang N phù hợp với lời khai của những người liên quan trong vụ án là thành viên trong Công ty T, phù hợp với nội dung các bản Kết luận giám định khối lượng khoáng sản, kết luận về thuế và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-P2 ngày 19 tháng 01 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng truy tố bị cáo Lê Quang N về tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Bị cáo khai các thủ tục pháp lý của việc khai thác mỏ là do một mình bị cáo trực tiếp làm, bị cáo là người quyết định cho Công ty tiến hành khai thác đất đá khi chưa đủ điều kiện theo giấy phép đã cấp, các thành viên trong Công ty không ai biết việc Công ty chưa đủ điều kiện để khai thác.

Công bố các kết luận giám định, lời khai của những người liên quan trong vụ án là thành viên trong Công ty T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận:

Lê Quang N là Giám đốc Công ty T, là người trực tiếp làm các thủ tục pháp lý xin giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác mỏ và các thủ tục thuê đất mỏ để khai thác. Công ty T chưa được UBND thành phố Hải Phòng cho thuê đất, nhưng Nghi vẫn trực tiếp chỉ đạo các hoạt động khai thác tài nguyên không chấp hành các quy định được ghi trong Giấy phép khai thác (vi phạm Điều 3). Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện tại chỉ chứng minh được, Công ty T đã khai thác mỏ từ năm 2014-2016, đã khai báo số lượng khoáng sản đã khai thác là

74.434m^3 (đá nguyên khối) x 1,475 x 0,95 = **109,000m^3**đá nguyên khai, có giá trị là **6,064,000,000 đồng** *(sáu tỉ không trăm sáu mươi tư triệu đồng)*. Thu lời bất chính là 218.200.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Quang N đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Quang N từ 1.500.000.000 đến 2.000.000.000 đồng về tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 218.200.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về Tố tụng*.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh*.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Quang N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của những người liên quan trong vụ án là thành viên trong Công ty T, phù hợp với nội dung các bản Kết luận giám định khối lượng khoáng sản, kết luận về thuế và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định Lê Quang N Giám đốc Công ty T, là người trực tiếp làm các thủ tục pháp lý xin giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác mỏ và các thủ tục thuê đất mỏ để khai thác. Công ty T chưa được UBND thành phố Hải Phòng cho thuê đất, nhưng Nghi vẫn trực tiếp chỉ đạo các hoạt động khai thác tài nguyên không chấp hành các quy định được ghi trong Giấy phép khai thác (vi phạm Điều 3). Tài liệu điều tra chứng minh được, Công ty T đã khai thác mỏ từ năm 2014-2016, số lượng khoáng sản đã khai thác là 74.434m^3 (đá nguyên

khối) x 1,475 x 0,95 = **109,000m^3**đá nguyên khai, có giá trị là **6,064,000,000 đồng** *(sáu tỉ không trăm sáu mươi tư triệu đồng)*. Thu lời bất chính là 218.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Quang N phạm tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về tình tiết định khung:* Số lượng khoáng sản bị cáo đã khai thác là 74.434m^3 (đá nguyên khối) x 1,475 x 0,95 = **109,000m^3** đá nguyên khai, có giá trị là **6,064,000,000 đồng**. Hành vi bị cáo Lê Quang N vi phạm điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự đối với "Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên"

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quang N đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, do vậy cần phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải , bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] *Về hình phạt:* Căn cứ vào tính chất vụ án, hành vi và nhân thân bị cáo xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Mặc khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đơn đề nghị được áp dụng hình phạt tiền và đã nộp trước một phần tiền phạt thể hiện bị cáo có đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Tội bị cáo phạm là loại tội phạm về kinh tế, chính vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền theo Điều 35 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo việc thu hồi tài sản cho Nhà nước.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Số tiền 218.200.000 đồng bị cáo nộp tại Cục Thi hành án dân sự là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Trong vụ án này còn có đối tượng các đối tượng Nguyễn Văn Khuê (người góp vốn), Nguyễn Thị Tường Vi (là kế toán), Nguyễn Văn Thân (người quản lý vật liệu nổ) và Cao Văn Huy (giám đốc điều hành mỏ) có liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên trái phép của Công ty T. Kết quả điều tra đến thời

điểm hiện tại chứng minh các đối tượng này không biết việc Công ty T khai thác tài nguyên chưa được UBND thành phố Hải Phòng cho thuê đất. Tài liệu điều tra không chứng minh được các đối tượng này đồng phạm với Lê Quang N nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với số lượng khoáng sản chưa kê khai của Công ty T (theo cơ quan giám định tính toán) là 446.989m^3 (đá nguyên khối) x 1,475 x 0,95 = 626.343m^3đá nguyên khai, có giá trị là 50,107,440,000 đồng. Theo Kết luận giám định ngày 03/11/2022 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng tính giá trị tiền thuế, phí phải nộp là 8.912.973.520 đồng. Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện tại không đủ căn cứ xác định Công ty T đã khai thác số khoáng sản này, cũng chưa chứng minh được ai là người khai thác số khoáng sản này nên chưa xác định được trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với số khoáng sản trên. Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lê Quang N 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên". Bị cáo đã nộp 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (biên lại số 0006586 ngày 21/4/2023) nên còn phải nộp tiếp 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Huỷ bỏ Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Quang N.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 218.200.000 (hai trăm mười tám triệu hai trăm nghìn) đồng .

(Biên lai thu tiền số 0006481 ngày 10/4/2023 Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Quang N phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ 1 - TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- UBND xã Lại Xuân, huyện Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tỉnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hạ Nguyễn Thị Hồng Thúy Lưu Văn Tỉnh